

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT TỈNH TN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Thạch.**

2. Bà **Võ Thị Trâm.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lưu Sử Ngọc Quân**— Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:** Ông **Đặng Quốc Sĩ** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **THL**, sinh ngày 28/11/1995; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Số 7/74, tổ 02, ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nơi ở hiện tại: Nhà cho thuê Hoàng Thắng, thuộc ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông TVG, sinh năm 1968 và bà TLT, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 19/2018/QĐ-TA ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN, áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đối với bị cáo THL thời hạn 15 (Mười lăm) tháng. Bị cáo L. chấp hành xong ngày 04/01/2019. Đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/10/2022, tạm giam ngày 09/11/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **NHV**, sinh ngày 17/01/2003; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 23, hẻm 8, đường Xóm Mới, tổ 5, ấp BK, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông NHV, sinh năm 1969 và bà LNM, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không có;

Tiền sự: Có 02 tiền sự:

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPVPHC ngày 17/9/2022 của Công an xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo NHV nộp xong ngày 03/10/2022.

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ-XPVC ngày 10/10/2022 của Công an xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo NHV chưa nộp phạt.

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NHV 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo V. đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/11/2021 (Bị cáo V. đã đóng án phí ngày 14/10/2020, được xóa án tích theo điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/10/2022, tạm giam ngày 08/11/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **NDN**, sinh ngày 05/12/1987; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 8/27, tổ 06, ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Giới tính: Nam; Con ông NHN, sinh năm 1954 (chết) và bà LNH, sinh năm 1960; Vợ tên DBT, sinh năm 1992; Bị cáo có 02 con; Tiền án: Không có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2009/HSST ngày 10/4/2009 của Tòa án

nhân dân huyện HT (nay là Tòa án nhân dân thị xã HT), tỉnh TN, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NDN 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo NDN đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/6/2010 (Bị cáo N. đã đóng án phí ngày 12/5/2009 và bồi thường thiệt hại xong ngày 18/6/2009 (đã được xóa án tích)).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/10/2022, tạm giam ngày 09/11/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **VHC**, sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 47, hẻm 16, đường Trường Chinh, tổ 24, khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN; Nơi ở hiện tại: ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông VVD, sinh năm 1969 và bà NTS, sinh năm 1970; Vợ tên NTQN, sinh năm 1982; Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/10/2022, tạm giam ngày 08/11/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **NTK**, sinh ngày 17/6/1997; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh Ninh Bình; Nơi thường trú: ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông NHT, sinh năm 1970 và bà NTT, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC ngày 22/01/2021 của Công an xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo NTK đã nộp phạt ngày 26/02/2021 (đã hết thời hạn được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/10/2022, tạm giam ngày 08/11/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **LMH**, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 30, tổ 2, ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông LTNH, sinh năm 1968 và bà TTL, sinh năm 1970; Vợ tên NTN, sinh năm 2001; Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự:

Không có.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 66/QĐ-XPHC ngày 04/5/2021 của Công an xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo LMH đã nộp phạt ngày 04/6/2021 (đã hết thời hạn được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/3/2023 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **NPH**, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 29, tổ 6, ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông NHPH, sinh năm 1974 và bà NTKC, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không có;

Tiền án: Có 01 tiền án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2013/HS-ST ngày 22/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, căn cứ điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NPH 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Giết người”, bị cáo NPH đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2022.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/10/2022, tạm giam ngày 08/11/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **NTC**, sinh ngày 11/11/1998; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: tổ 4, ấp Sân Lễ, xã Hảo Đức, huyện CT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông NTCHA, sinh năm 1973 và bà TTTH, sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không có;

Tiền án: Có 01 tiền án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NTC 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo CH. đã nộp án phí vào ngày 20/10/2020, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/03/2022 (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/10/2022, tạm giam ngày 08/11/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **HAH**, sinh ngày 24/11/1997; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 62, tổ 9, ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Cao đài; Giới tính: Nam; Con ông HVH, sinh năm 1965 và bà NTH., sinh năm 1970; Vợ tên PTT, sinh năm 1996; Bị cáo có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2017/HS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện HT (nay là Tòa án nhân dân thị xã HT), tỉnh TN, căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo HAH 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo HAH đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/4/2018, đã đóng án phí ngày 13/11/2017, đã bồi thường thiệt hại ngày 06/11/2017 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/3/2023 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **NTP**, sinh ngày 26/3/1999; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Số 13/7, ấp BK, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông NVC, sinh năm 1976 và bà PTV, sinh năm 1982; Vợ tên Nguyễn Đình Hồng Hạnh, sinh năm 2000; Bị cáo có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/3/2023 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Chị **VTKN**, sinh năm 1990; Nơi thường trú: ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (Vắng mặt);

2. Chị **VTNT**, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Nhà số 130/101, đường Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, TPA.; Nơi ở hiện tại: ấp Ninh H. 1, xã CL, Huyện DMC, tỉnh TN (Vắng mặt);

3. Chị **TRTTT**, sinh năm 1979; Nơi thường trú: ấp Láng, xã CL, Huyện DMC, tỉnh TN (Vắng mặt);

4. Chị **DTĐ**, sinh năm 1977; Nơi thường trú: ấp KT, xã CK, Huyện DMC, tỉnh

TN; Nơi ở hiện tại: ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (Vắng mặt);

5. Chị **HTT**, sinh năm 1978; Nơi thường trú: Nhà số B1/58, khu phố LTR, phường LTTR, thị xã HT, tỉnh TN; Nơi ở hiện tại: ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt);

6. Chị **NTL**, sinh năm 1976; Nơi thường trú: ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (Vắng mặt);

7. Chị **TRTT**, sinh năm 1982; Nơi thường trú: Số 139, ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt);

8. Chị **VTKL**, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Số 28/A, tổ 31, ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **NTKD**, sinh năm 2000; Nơi thường trú: ấp BK, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN (Có mặt);

### **NỘI D. VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D. vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo **THL**, **NDN**, **NPH**, **NTK**, **NHV**, **NTC**, **VHC**, **HAH**, **NTP**, **LMH** là bạn bè, quen biết, thường xuyên tụ tập ăn nhậu. cùng nhau.

Khoảng 16 giờ ngày 17/10/2022, các bị cáo **L.**, **HA.**, **K.**, **V.**, **HO.** và **PH.** tổ chức uống bia tại phòng trọ nhà cho thuê tháng “Hoàng Thắng” thuộc ấp **LY**, xã **LTN**, thị xã **HT**, tỉnh **TN** nơi bị cáo **L.** thuê phòng ở trọ. Sau khi nhậu được một lúc, bị cáo **L.** rủ cả nhóm mang theo hung khí gồm dao, rựa đến những quán cà phê trên địa bàn thị xã **HT** và Huyện **DMC** đập phá tài sản nhằm uy hiếp tinh thần, buộc các chủ quán nộp tiền bảo kê với số tiền 500.000 đồng/ngày để lấy tiền cùng nhau ăn nhậu.. Bị cáo **L.** có nhiệm vụ vào gặp chủ quán để đặt vấn đề thu tiền bảo kê còn những bị cáo còn lại sẽ cầm hung khí đứng phía ngoài đập phá tài sản thì các bị cáo **HA.**, **K.**, **V.**, **HO.**, **PH.** đồng ý. Sau đó, bị cáo **V.** về nhà lấy 01 cây dao tự chế, 01 cây rựa bỏ vào túi xách đem đến phòng trọ “Hoàng Thắng” nơi bị cáo **L.** thuê rồi lấy thêm dao, rựa bỏ vào trong túi xách. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, các bị cáo **L.**, **K.**, **HO.**, **PH.**, **HA.**, **V.** điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi đến quán cà phê không biển hiệu tọa lạc tại ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa, thị xã HT, tỉnh TN do chị **VTKN**, sinh năm 1990, ngụ ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN làm chủ. Tại đây, bị cáo **K.** lấy hung khí **CH.** cho các bị cáo **L.**, **HA.**, **V.**, **HO.**, **PH.** cầm trên tay đứng bên ngoài đập phá làm hư hỏng 04 bàn nhựa có kích thước (50x43x62)cm và 01 ghế nhựa

có lưng tựa loại có chiều cao 67cm hiệu “Qui Phúc” (định giá trị thiệt hại là 385.000 đồng) để uy hiếp tinh thần, sau đó bị cáo L. vào bên trong tìm chủ quán nH. không gặp được chị NG. nên bị cáo L. nhờ nhân viên của quán nói lại với chị NG. phải nộp tiền bảo kê cho nhóm của bị cáo L. với số tiền 500.000 đồng/ngày và đe dọa nếu không nộp sẽ tiếp tục đập phá quán. Do hoảng sợ nên từ ngày 17/10/2022 đến ngày 27/10/2022, chị NG. đã đưa tiền cho nhóm của bị cáo L. với tổng số tiền là 5.000.000 đồng.

Sau khi rời khỏi quán cà phê của chị NG.. Các bị cáo L., K., HO., PH., V. tiếp tục đi đến quán cà phê “Cô Chủ Nhỏ” tại ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa do chị TRTT, sinh năm 1982, ngụ ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh TN làm chủ, riêng bị cáo HA. một chỗ về trước. Các bị cáo K., HO., PH., V. cầm dao, rựa đứng bên ngoài đập phá tài sản làm hư hỏng 01 cái bàn nhựa có kích thước (50x43x63)cm và 02 ghế xếp (định giá trị thiệt hại là 355.000 đồng). Bị cáo L. vào bên trong quán gặp chị TO. yêu cầu nộp tiền bảo kê 500.000 đồng/ngày, chị TO. nói dối không có chủ quán ở nhà thì bị cáo L. để lại số điện thoại 0977.260.870 và yêu cầu khi chủ quán về thì liên hệ lại cho bị cáo L. để nộp tiền bảo kê. Hiện chị TO. chưa nộp tiền cho nhóm của bị cáo L..

Ngày 19/10/2022, bị cáo L. cùng các bị cáo HA., K., V., C., N., CH. tổ chức nHA. tại phòng trọ “Hoàng Thắng”. Trong lúc nHA., bị cáo L. kể lại việc đi thu tiền bảo kê tại các quán cà phê và rủ thêm các bị cáo C., N., CH. cùng tham gia thì cả 03 đồng ý. Khi cả nhóm chuẩn bị đi, bị cáo L. nhìn thấy anh Nguyễn Duy Phú, sinh năm 1985, ngụ ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN đi công việc ngang qua, bị cáo L. rủ anh Phú đi uống cà phê thì anh Phú đồng ý. Sau đó, anh Phú chạy xe đi cùng nhóm của bị cáo L. đến quán cà phê “Cây Bàng” thuộc xã CL, huyện DMC, tỉnh TN do chị VTKL, sinh năm 1994, ngụ ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN làm chủ. Lúc này, K. mở túi lấy hung khí đã dùng trước đó CH. cho cả nhóm, bị cáo L. đi vào bên trong quán nH. không gặp được chị L. mà chỉ gặp các nhân viên của quán. Bị cáo L. đặt vấn đề yêu cầu chủ quán nộp tiền bảo kê, còn các bị cáo HA., K., V., C., N., CH. cầm hung khí đứng bên ngoài đập phá tài sản làm hư hỏng 05 bàn nhựa có kích thước (50x50x70)cm và 03 ghế nhựa có lưng tựa loại có chiều cao 68cm (định giá trị thiệt hại là 290.000 đồng). Trước khi rời đi, bị cáo L. đe dọa sẽ quay lại quán tiếp tục đập phá nếu chủ quán không đồng ý nộp tiền bảo kê và để lại số điện thoại 0977.260.870 của bị cáo L. cho chủ quán để liên lạc. Thấy vậy, anh Phú bỏ ra về trước và không đi cùng với nhóm của bị cáo L.. Đến 21 giờ cùng ngày, chị L. về quán, nghe nhân viên kể lại sự việc, chị hoảng sợ nên điện thoại cho bị cáo L., đồng ý nộp tiền bảo kê 500.000 đồng/ngày. Từ ngày 19/10/2022 đến ngày 27/10/2022, chị L. đã đưa cho

nhóm của bị cáo L. số tiền 3.500.000 đồng.

Sau khi rời quán “Cây Bàng” thì các bị cáo L., HA., K., V., C., N., CH. đi đến quán cà phê “Thủy NG.” do chị VTNT, sinh năm 1995 ngụ ấp Ninh H. 1, xã CL, Huyện DMC, tỉnh TN làm chủ. Các bị cáo V., K., N., C., HA., CH. cầm hung khí đứng bên ngoài uy hiếp tinh thần và đập phá tài sản làm hư hỏng 01 cái bàn nhựa có kích thước (50x62x43)cm (định giá trị thiệt hại 75.000 đồng), bị cáo L. vào bên trong quán nH. không gặp chị TU. nên kêu nhân viên của quán nói lại với chị TU. yêu cầu nộp tiền bảo kê 500.000 đồng/ngày. Trước khi rời đi, bị cáo L. đe dọa sẽ quay lại quán tiếp tục đập phá nếu chủ quán không đồng ý nộp tiền bảo kê và để lại số điện thoại 0977.260.870 của bị cáo L. cho chủ quán liên lạc. Khi về quán, nghe nhân viên kể lại sự việc, chị TU. hoảng sợ nên điện thoại cho bị cáo L., đồng ý nộp tiền bảo kê 500.000 đồng/ngày. Từ ngày 19/10/2022 đến ngày 27/10/2022, chị TU. đã đưa tiền cho nhóm của bị cáo L. số tiền 4.500.000 đồng.

Tiếp đó, các bị cáo L., HA., K., V., C., N., CH. đi đến quán cà phê “Tre Vàng” tọa lạc tại ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa, thị xã HT, tỉnh TN do chị TRTTTT, sinh năm 1979, ngụ ấp Láng, xã CL, huyện DMC, tỉnh TN làm chủ. Các bị cáo V., K., N., C., HA., CH. cầm hung khí đứng bên ngoài uy hiếp tinh thần và đập phá tài sản làm hư hỏng 01 cái ghế nhựa loại có lưng tựa cao 68cm (định giá trị thiệt hại 95.000 đồng), bị cáo L. vào gặp chị Thảo yêu cầu nộp tiền bảo kê 500.000 đồng/ngày, chị Thảo hoảng sợ nên đồng ý theo yêu cầu và đưa tiền cho nhóm của bị cáo L. 02 lần với tổng số tiền 1.000.000 đồng.

Cùng với thủ đoạn và mức yêu cầu nộp tiền bảo kê như trên. Ngày 27/10/2022, tại nhà anh Lê Hoàng Nguyên, sinh năm 1993, ngụ ấp Long Hải, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN, các bị cáo L., V., K., C., N., H., cùng anh Lê Hoàng Nguyên và anh Lê Văn Đạt, sinh năm 1999, ngụ ấp Long Hải, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN và người tên Cảnh, Thúy, Hiếu (không rõ họ tên, địa chỉ), tổ chức nHA.. Trong lúc nHA., bị cáo L. rủ tất cả những người có mặt đến các quán cà phê đặt vấn đề thu tiền bảo kê thì anh Nguyên, anh Đạt và chị Thúy từ chối tham gia, còn lại những người khác đều đồng ý. Sau đó, các bị cáo L., V., K., C., N., H. và người tên Cảnh, Hiếu đem theo hung khí đến các quán cà phê đập phá tài sản để uy hiếp tinh thần yêu cầu chủ quán nộp tiền bảo kê, cụ thể: Các bị cáo đến quán cà phê “Cây Xanh” thuộc ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT do chị ĐTD, sinh năm 1977, ngụ tại ấp KT, xã CK, Huyện DMC, tỉnh TN làm chủ đập phá làm hư hỏng 02 cái bàn nhựa có kích thước (50x43x62)cm, 01 cái võng vải màu nâu (định giá trị thiệt hại 210.000 đồng). Rồi đến quán cà phê “Hải Nhỏ” tại ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT do chị HTT, sinh năm 1978, ngụ tại ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN làm chủ. Các bị cáo dùng hung khí chặt, phá làm hỏng 01 cái ghế nhựa

màu đỏ hiệu “Duy Thành” chiều cao 68cm; 03 cái bàn nhựa màu xanh hiệu “Duy Tân” có kích thước (50x63x43)cm; 07 cái võng, 01 quạt đứng hiệu Savifan (định giá trị thiệt hại 790.000 đồng). Đến quán cà phê “Ánh Sao” tại ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT do chị NTL, sinh năm 1976, ngụ tại ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN làm chủ. Các bị cáo chặt, phá làm hư hỏng 01 cái bàn nhựa, 01 quạt đứng hiệu Lifan, 01 biển hiệu của quán (định giá trị thiệt hại 555.000 đồng). Tiếp tục đến quán cà phê “Cô Chủ Nhỏ” tại ấp Tr.A, xã Tr.T, thị xã HT do chị TRTT làm chủ, đập phá làm hư hỏng 03 cái quạt treo tường, 01 gương soi khung nhôm, 04 bàn nhựa, 05 ghế nhựa, 02 cái xô đựng nước (định giá trị thiệt hại 1.020.000 đồng) thì bị lực lượng Công an xã Tr.T PH. hiện. Hiện các bị hại Đ., Thảo, L., TO. chưa nộp tiền cho nhóm của bị cáo L..

Trong quá trình điều tra, các bị cáo L., N., C., K., V., H., HO., PH., HA., CH. đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đối với C., K., V., HA., CH. đầu thú về hành vi phạm tội tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoà Thành.

Các bị cáo L., N., C., K., V., H., HO., PH., HA., CH. có hành vi cưỡng đoạt tài sản của nhiều bị hại nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Ngoài ra, các bị cáo CH., HA. đã có 01 tiền án, chưa được xóa tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 57/KLĐG-TTHS ngày 28/12/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã HT, kết luận: Tổng giá trị tài sản bị hư hỏng là 3.485.000 đồng. Tính riêng giá trị tài sản hư hỏng ngày 27/10/2022 là 2.575.000 đồng (quán Cây Xanh là 210.000 đồng; quán Hải Nhớ là 790.000 đồng; quán Ánh Sao là 555.000 đồng; quán Cô Chủ Nhỏ là 1.020.000 đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG-TTHS ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Huyện DMC, kết luận: 05 cái bàn nhựa, màu đỏ, hình chữ nhật có kích thước (70x50x50)cm, giá 200.000 đồng; 03 cái ghế nhựa tựa lưng, màu đỏ, giá 90.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 252/KL-KTHS ngày 06/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN, kết luận: Xe mô tô biển số 70G1-636.76, số khung RLHJF5816GY573221, số máy JF66E-0810164; Xe mô tô biển số 70K1-346.91, số khung RLHJA3620EY113953, số máy JA36E-0187553; Xe mô tô biển số 70G1-540.61, số khung MH3UG0710HK195957, số máy G3E6E-0276089 có số khung và số máy không bị đục sửa.

Qua xác minh, các bị cáo L., N., C., K., V., H., HO., PH., HA., CH. không có tài sản nên không kê biên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) cây rựa dài 1m22, cán bằng gỗ tròn màu vàng dài 85cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu đen dài 77cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu đen dài 20cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây rựa dài 64cm, cán bằng gỗ tròn màu nâu dài 36cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 72cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu xám dài 39cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) ống kim loại tròn màu xám, đường kính 27mm, dài 45cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 52cm, cán bằng gỗ màu nâu – vàng dài 77cm, được chạm hình đầu rồng. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 47cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu xám dài 14cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 50cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 14cm, trên phần lưỡi có nhiều rãnh và lỗ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 48cm, cán bằng gỗ màu vàng dài 14cm, trên phần lưỡi dao có rãnh dọc. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 46cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 13cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 02 (hai) cây dao tự chế bằng kim loại dài 47cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 14cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, trên phần lưỡi dao có rãnh khuyết dọc;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Titel, màu đen, số imei 1: 351980102347802, số imei 2: 351980102347810 (kiểm tra trên thân máy). Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu vàng. Tình trạng: Đã qua sử dụng, màn hình bị bể biến dạng, thân máy bị cong, không có tín hiệu hoạt động;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Samsung, màu xanh, số imei 352884/79/267448/4 (kiểm tra trên thân máy). Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70G1-636.76, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Vision, màu sơn: đen, số khung: RLHJF5816GY573221, số máy JF66E-0810164.

Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA.;

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70K1-346.91, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Blade, màu sơn: đỏ - đen, số khung RLHJA3620EY113953, số máy: JA36E-0187553. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA., yên xe bị rách;

- 01 (một) biển số xe mô tô 60C1-264.09 bằng kim loại, màu trắng, chữ và số màu đen. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70G1-540.61, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Jupiter, màu sơn: xanh đen bạc, số khung: MH3UG0710HK195957, số máy: G3E6E0276089. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA.;

- 01 (một) túi xách vải, màu xanh, dạng hình trụ, dài 42 cm, đường kính 24 cm, loại có dây đeo, có in chữ EnSure Gold. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) ghế nhựa, loại có lưng tựa, màu đỏ, hiệu Duy Thành, chiều cao lưng tựa 68cm, chiều cao mặt ghế 33cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể, không còn sử dụng được;

- 03 (ba) bàn nhựa, hình chữ nhật, màu xanh, hiệu Duy Tân, cao 50cm, kích thước mặt bàn 63cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể thành nhiều mảnh và không còn sử dụng được;

- 01 (một) quạt đứng màu đen, hiệu Savifan, cao 93cm, không có cánh quạt. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 03 (ba) cái võng bằng nilon, màu đỏ xanh. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị đứt và không còn sử dụng được;

- 03 (ba) cái võng bằng sợi vải đan, màu xanh - đen - trắng – đỏ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái võng bằng vải, màu xanh, loại 02 lớp. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị đứt làm đôi và không còn sử dụng được;

- 01 (một) bảng hiệu khung bằng kim loại, bảng hiệu bằng Tole, có dán decal màu xanh đỏ, có chữ “Ánh Sao”, cao 1,53m, ngang 80cm, kích thước bảng hiệu 1m x 80cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị biến dạng, không còn sử dụng được;

- 01 (một) quạt đứng màu xám, hiệu Lifan, cánh quạt bị bể, thân quạt và chân quạt bị gãy. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) bàn nhựa màu đỏ, hình chữ nhật, có ghi chữ Tân Lập Thành Plastic, cao 50cm, đường kính kích thước mặt bàn 63cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể thành 02 mảnh và không còn sử dụng được;

- 01 (một) cái võng bằng vải, màu nâu, dài 2,33 mét, rộng 94cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) quạt treo tường hiệu Kendo, màu xanh, bị bể cánh, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) quạt treo tường hiệu Jolie, màu xám, bị bể cánh quạt, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) quạt treo tường hiệu NaFan, màu xám, bị bể cánh quạt, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) khung nhôm, màu vàng, kích thước 1m x 0,8 m, hình chữ nhật, kích thước thanh nhôm 4cm x 2cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 02 (hai) ghế xếp bằng ống kim loại tròn, màu đen, có đan dây nhựa màu xanh đen không rõ nhãn hiệu, chiều cao lưng tựa 94 cm, chiều cao mặt ghế 25 cm, kích thước mặt ghế 42cm x 42cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, dây ghế đã bị cắt đứt và không còn sử dụng được;

- 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 54cm, đường kính miệng thùng 51cm, đường kính đáy thùng 39cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được;

- 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 40cm, đường kính miệng thùng 39cm, đường kính đáy thùng 30cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được;

- 01 (một) ghế nhựa loại có lưng tựa màu xanh, hiệu "Qui Phúc", chiều cao lưng tựa 67 cm, chiều cao mặt ghế 34 cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể mặt ghế, lưng tựa và không còn sử dụng được;

- 04 (bốn) bàn nhựa hình chữ nhật màu xanh, cao 50cm, kích thước mặt bàn là 62cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại NG. yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 5.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường tài sản bị hư hỏng là 385.000 đồng; Bị hại L. yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 3.500.000 đồng và yêu cầu bồi thường tài sản bị hư hỏng là 600.000 đồng; Bị hại TU. yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 4.500.000 đồng; Bị hại TRTTT yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 1.000.000 đồng; Các bị hại TO., Đ., L., HTT không yêu cầu bồi thường. Hiện các bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 34/CT-VKSHT ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN đã: Truy tố các bị cáo L., V., N., C., K., H. về tội

“Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự; Tuy tố các bị cáo HA., CH., HO. và PH. về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo L., V., N., C., K., H., HA., CH., HO. và PH. về tội danh, điều luật áp dụng như nội D. Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo L., V., N., C., K., H. phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo L. từ 04 (Bốn) năm tù đến 05 (Năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 05 (Năm) năm tù đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo V. từ 04 (Bốn) năm tù đến 05 (Năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 05 (Năm) năm tù đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo N. từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 09 (Chín) tháng tù đến 01 (Một) năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù đến 05 (Năm) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo C. từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 09 (Chín) tháng tù đến 01 (Một) năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù đến 05 (Năm) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo K. từ 04 (Bốn) năm tù đến 05 (Năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 05 (Năm) năm tù đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều

51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo H. từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 04 (Bốn) năm tù đến 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù.

- Tuyên bố các bị cáo HA., CH., HO. và PH. phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo HA. từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo CH. từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo HO. từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo PH. từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo do các bị cáo không có tài sản.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường cho các bị hại.

Đối với các bị cáo HO., PH. có hành vi đập phá tài sản vào ngày 17/10/2022, bị cáo HA. có hành vi đập phá tài sản vào ngày 17/10/2022 và ngày 19/10/2022, bị cáo CH. có hành vi đập phá tài sản vào ngày 19/10/2022. Hành vi đập phá tài sản của các bị cáo vừa nêu vào các ngày 17,19/10/2022 chưa đủ định lượng để xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoà Thành không xem xử xử lý là đúng quy định.

Đối với những người tên “Cảnh, Hiếu” có tham gia đập phá tài sản vào ngày 27/10/2022, hiện không rõ họ tên, địa chỉ và chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo L., V., N., C., K., H., HA., CH., HO. và PH. đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn hối lỗi và cam đoan không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về với gia đình.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D. vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thị xã HT, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bị hại L., TO. và HTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH. vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Các bị hại NG., Đ., L., TU. và TRTTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH. vắng mặt không có lý do. Xét thấy, các bị hại vắng mặt nH. đã có lời khai rõ ràng được ghi nhận trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại nêu trên.

[3] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 17/10/2022 đến ngày 27/10/2022, bị cáo L. đã bàn bạc cùng với các bị cáo V., N., C., K., H., HA., CH., HO. và PH. dùng dao, rựa đi đập phá làm hư hỏng tài sản của 07 quán cà phê trên địa bàn thị xã HT và 01 quán cà phê địa bàn Huyện DMC, tỉnh TN để uy hiếp tinh thần nhằm buộc các chủ quán nộp tiền bảo kê để chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 14.000.000 đồng. Trong đó, các bị cáo L., V., K. đã tham gia đập phá làm hư hỏng tài sản với tổng số tiền là 3.775.000 đồng; Các bị cáo N., C. tham gia đập phá tài sản làm hư hỏng tài sản với tổng số tiền là 3.035.000 đồng; Bị cáo H. đã tham gia đập phá làm hư hỏng tài sản với tổng số tiền là 2.575.000 đồng.

[4] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nH. vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện. Do đó, cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo L., V., N., C., K., H., HA., CH., HO. và PH. đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đồng thời, các bị cáo L., V., N., C., K., H., HA. và CH. đã tự nguyện khắc phục một phần HA. quả nên các bị cáo L., V., N., C., K., H., HA. và CH. được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo V., C., K., HA. và CH. đầu thú nên các bị cáo V., C., K., HA. và CH. được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo L., V., N., C., K., H., HO. và PH. do thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo HA. và bị cáo CH. thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên và hai bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm nên bị cáo HA. và bị cáo CH. phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

*Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo L., N., C., K., V., H., HO., PH., HA. và CH. là phạm tội có tổ chức. Trong suốt quá trình thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo L., N., C., K., V., H., HO., PH., HA. và CH. có sự cấu kết chặt chẽ với nhau. Có sự phân công vai trò cụ thể cho từng người, trong đó, bị cáo L. là người chủ mưu, với bản tính lưu manh, côn đồ, hung hãn, lười lao động nH. vẫn muốn có tiền tiêu xài, khởi xướng hành vi phạm tội, xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L. đã bàn bạc, rủ rê các bị cáo còn lại dùng dao, rựa, nhiều lần đi đập phá làm hư hỏng tài sản nhằm uy hiếp tinh thần của các bị hại để cưỡng đoạt tài sản. Bị cáo L. là người trực tiếp đe dọa, uy hiếp tinh thần của các bị hại và cũng là người trực tiếp nhận tiền từ các bị hại. Do đó, cần áp dụng mức án thật nghiêm đối với bị cáo L. và cao hơn các bị cáo còn lại mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo V., bị cáo K. thực hiện hành vi phạm tội tại 08 quán với vai trò tích cực nên bị cáo V., bị cáo K. chịu mức án ngang nhau và thấp hơn mức án của bị cáo L. nH. phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo N., bị cáo C. thực hiện hành vi phạm tội gần bằng nhau nên bị cáo N., bị cáo C. phải chịu mức án ngang nhau và cao hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo H. thực hiện 04 lần hành vi phạm tội nên chịu mức án thấp hơn các bị cáo trên nH. phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Các bị cáo HO., PH. có hành vi đập phá tài sản vào ngày 17/10/2022, bị cáo HA. có hành vi đập phá tài sản vào ngày 17/10/2022 và ngày 19/10/2022, bị cáo CH. có hành vi đập phá tài sản vào ngày 19/10/2022. Hành vi đập phá tài sản của các bị cáo vừa nêu vào các ngày 17,19/10/2022 chưa đủ định lượng nên không xem xét xử lý về tội “Hủy hoại tài sản”.

Bị cáo HA., bị cáo CH. thực hiện hành vi phạm tội bằng bị cáo H. nên bị cáo HA., bị cáo CH. phải chịu mức án ngang với mức án của bị cáo H. về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Bị cáo HO., bị cáo PH. thực hiện 02 lần hành vi phạm tội nên chịu mức án thấp hơn các bị cáo trên.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Các công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội và các vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, gồm:

- 01 (một) cây rựa dài 1m22, cán bằng gỗ tròn màu vàng dài 85cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu đen dài 77cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu đen dài 20cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây rựa dài 64cm, cán bằng gỗ tròn màu nâu dài 36cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 72cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu xám dài 39cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) ống kim loại tròn màu xám, đường kính 27mm, dài 45cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 52cm, cán bằng gỗ màu nâu – vàng dài 77cm, được chạm hình đầu rồng. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 47cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu xám dài 14cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 50cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 14cm, trên phần lưỡi có nhiều rãnh và lỗ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 48cm, cán bằng gỗ màu vàng dài 14cm, trên phần lưỡi dao có rãnh dọc. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 46cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 13cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 02 (hai) cây dao tự chế bằng kim loại dài 47cm, cán bằng gỗ màu nâu dài

14cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, trên phần lưỡi dao có rãnh khuyết dọc;

- 01 (một) biển số xe mô tô 60C1-264.09 bằng kim loại, màu trắng, chữ và số màu đen. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) túi xách vải, màu xanh, dạng hình trụ, dài 42 cm, đường kính 24 cm, loại có dây đeo, có in chữ EnSure Gold. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) ghế nhựa, loại có lưng tựa, màu đỏ, hiệu Duy Thành, chiều cao lưng tựa 68cm, chiều cao mặt ghế 33cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể, không còn sử dụng được;

- 03 (ba) bàn nhựa, hình chữ nhật, màu xanh, hiệu Duy Tân, cao 50cm, kích thước mặt bàn 63cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể thành nhiều mảnh và không còn sử dụng được;

- 01 (một) cái võng bằng vải, màu xanh, loại 02 lớp. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị đứt làm đôi và không còn sử dụng được;

- 01 (một) bảng hiệu khung bằng kim loại, bảng hiệu bằng Tole, có dán decal màu xanh đỏ, có chữ “Ánh Sao”, cao 1,53m, ngang 80cm, kích thước bảng hiệu 1m x 80cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị biến dạng, không còn sử dụng được;

- 01 (một) bàn nhựa màu đỏ, hình chữ nhật, có ghi chữ Tân Lập Thành Plastic, cao 50cm, đường kính kích thước mặt bàn 63cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể thành 02 mảnh và không còn sử dụng được;

- 02 (hai) ghế xếp bằng ống kim loại tròn, màu đen, có đan dây nhựa màu xanh đen không rõ nhãn hiệu, chiều cao lưng tựa 94 cm, chiều cao mặt ghế 25 cm, kích thước mặt ghế 42cm x 42cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, dây ghế đã bị cắt đứt và không còn sử dụng được;

- 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 54cm, đường kính miệng thùng 51cm, đường kính đáy thùng 39cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được;

- 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 40cm, đường kính miệng thùng 39cm, đường kính đáy thùng 30cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được;

- 01 (một) ghế nhựa loại có lưng tựa màu xanh, hiệu "Qui Phúc", chiều cao lưng tựa 67 cm, chiều cao mặt ghế 34 cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể mặt ghế, lưng tựa và không còn sử dụng được;

- 04 (bốn) bàn nhựa hình chữ nhật màu xanh, cao 50cm, kích thước mặt bàn

là 62cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được.

[5.2] Vật chứng là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào NG. sách Nhà nước, gồm:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Titel, màu đen, số imei 1: 351980102347802, số imei 2: 351980102347810 (kiểm tra trên thân máy). Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70K1-346.91, nhãn hiệu: Honda, loại xe. Blade, màu sơn: đỏ - đen, số khung RLHJA3620EY113953, số máy: JA36E-0187553. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA., yên xe bị rách;

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70G1-540.61, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Jupiter, màu sơn: xanh đen bạc, số khung: MH3UG0710HK195957, số máy: G3E6E0276089. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA.;

[5.3] Hoàn trả cho bị cáo H.: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu vàng. Tình trạng: Đã qua sử dụng, màn hình bị bể biến dạng, thân máy bị cong, không có tín hiệu hoạt động;

[5.4] Hoàn trả cho bị cáo N.: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Samsung, màu xanh, số imei 352884/79/267448/4 (kiểm tra trên thân máy). Tình trạng: Đã qua sử dụng;

[5.5] Hoàn trả cho bị hại HTT: 01 (một) quạt đứng màu đen, hiệu Savifan, cao 93cm, không có cánh quạt. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 03 (ba) cái võng bằng nilon, màu đỏ xanh. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị đứt và không còn sử dụng được; 03 (ba) cái võng bằng sợi vải đan, màu xanh - đen - trắng – đỏ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

[5.6] Hoàn trả cho bị hại L.: 01 (một) quạt đứng màu xám, hiệu Lifan, cánh quạt bị bể, thân quạt và chân quạt bị gãy. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

[5.7] Hoàn trả cho bị hại Đ.: 01 (một) cái võng bằng vải, màu nâu, dài 2,33 mét, rộng 94cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

[5.8] Hoàn trả cho bị hại TO.: 01 (một) quạt treo tường hiệu Kendo, màu xanh, bị bể cánh, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) quạt treo tường hiệu Jolie, màu xám, bị bể cánh quạt, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) quạt treo tường hiệu NaFan, màu xám, bị bể cánh quạt, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) quạt treo tường hiệu KENDO, màu xanh, bị bể cánh, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

[5.9] Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D.: 01 (một) xe

mô tô gắn biển số 70G1-636.76, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Vision, màu sơn: đen, số khung: RLHJF5816GY573221, số máy JF66E-0810164. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA.;

[6] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288, 579, 580 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc các bị cáo L., K., HO., PH., HA. và V. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại NG. số tiền chiếm đoạt là 5.000.000 đồng và số tiền tài sản bị hư hỏng là 385.000 đồng, tổng cộng là 5.385.000 đồng. Như vậy, bị cáo L., K., HO., PH., HA. và V., mỗi bị cáo phải trả cho bị hại NG. số tiền 897.500 đồng.

- Buộc các bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại L. số tiền chiếm đoạt là 3.500.000 đồng và số tiền tài sản bị hư hỏng là 600.000 đồng, tổng cộng là 4.100.000 đồng. Như vậy, bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH., mỗi bị cáo phải trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng.

- Buộc các bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại TU. số tiền chiếm đoạt là 4.500.000 đồng. Như vậy, bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH., mỗi bị cáo phải trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng.

- Buộc các bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại TRTTTT số tiền chiếm đoạt là 1.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH., mỗi bị cáo phải trả cho bị hại TRTTTT số tiền 143.000 đồng.

Đối với các bị hại TO., Đ., L. và HTT không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ghi nhận các bị cáo L., V., N., C., K., H., HA. và CH. đã nộp tiền khắc phục một phần HA. quả, cụ thể: Bị cáo L. nộp số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo V. nộp số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo N. nộp số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo C. nộp số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo K. nộp số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo H. nộp số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo HA. nộp số tiền 1.500.000 đồng và bị cáo CH. nộp số tiền 1.000.000 đồng. Hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN đang tạm giữ tất cả số tiền này.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo bị cáo **THL, NHV, NDN, VHC, NTK, LMH** phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và tội “**Hủy hoại tài sản**”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều

51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **THL 04** (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Hủy hoại tài sản**”. Tổng hợp hình phạt hai tội là 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 31 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **NHV 04** (Bốn) năm tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và 01 (Một) năm tù về tội “**Hủy hoại tài sản**”. Tổng hợp hình phạt hai tội là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **NDN 03** (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và 09 (Chín) tháng tù về tội “**Hủy hoại tài sản**”. Tổng hợp hình phạt hai tội là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 31 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **VHC 03** (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và 09 (Chín) tháng tù về tội “**Hủy hoại tài sản**”. Tổng hợp hình phạt hai tội là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **NTK 04** (Bốn) năm tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và 01 (Một) năm tù về tội “**Hủy hoại tài sản**”. Tổng hợp hình phạt hai tội là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **LMH 03** (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Hủy hoại tài sản**”. Tổng hợp hình phạt hai tội là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 11 tháng 3 năm 2023.

2. Tuyên bố các bị cáo **NPH, NTC, HAH và NTP** phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **NPH 03** (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính

từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **NTC** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **HAH** 03 (Ba) năm tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 06 tháng 3 năm 2023.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **NTP** 03 (Ba) năm tù về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 09 tháng 3 năm 2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây rựa dài 1m22, cán bằng gỗ tròn màu vàng dài 85cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu đen dài 77cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu đen dài 20cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây rựa dài 64cm, cán bằng gỗ tròn màu nâu dài 36cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 72cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu xám dài 39cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) ống kim loại tròn màu xám, đường kính 27mm, dài 45cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 52cm, cán bằng gỗ màu nâu – vàng dài 77cm, được chạm hình đầu rồng. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 47cm, cán bằng ống kim loại (sắt) tròn màu xám dài 14cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 50cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 14cm, trên phần lưỡi có nhiều rãnh và lỗ. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 48cm, cán bằng gỗ màu vàng dài 14cm, trên phần lưỡi dao có rãnh dọc. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 46cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 13cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 02 (hai) cây dao tự chế bằng kim loại dài 47cm, cán bằng gỗ màu nâu dài 14cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, trên phần lưỡi dao có rãnh khuyết dọc; 01 (một) biển số xe mô tô 60C1-264.09 bằng kim loại, màu trắng, chữ và số màu đen. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) túi xách vải, màu xanh, dạng hình trụ, dài 42 cm, đường kính 24 cm, loại có dây đeo, có in chữ EnSure Gold. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) ghế nhựa, loại có lưng tựa, màu đỏ, hiệu Duy Thành, chiều cao lưng tựa 68cm, chiều cao mặt ghế 33cm. Tình trạng: Đã

qua sử dụng, bị bể, không còn sử dụng được; 03 (ba) bàn nhựa, hình chữ nhật, màu xanh, hiệu Duy Tân, cao 50cm, kích thước mặt bàn 63cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể thành nhiều mảnh và không còn sử dụng được; 01 (một) cái võng bằng vải, màu xanh, loại 02 lớp. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị đứt làm đôi và không còn sử dụng được; 01 (một) bảng hiệu khung bằng kim loại, bảng hiệu bằng Tole, có dán decal màu xanh đỏ, có chữ “Ánh Sao”, cao 1,53m, ngang 80cm, kích thước bảng hiệu 1m x 80cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị biến dạng, không còn sử dụng được; 01 (một) bàn nhựa màu đỏ, hình chữ nhật, có ghi chữ Tân Lập Thành Plastic, cao 50cm, đường kính kích thước mặt bàn 63cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể thành 02 mảnh và không còn sử dụng được; 02 (hai) ghế xếp bằng ống kim loại tròn, màu đen, có đan dây nhựa màu xanh đen không rõ nhãn hiệu, chiều cao lưng tựa 94 cm, chiều cao mặt ghế 25 cm, kích thước mặt ghế 42cm x 42cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, dây ghế đã bị cắt đứt và không còn sử dụng được; 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 54cm, đường kính miệng thùng 51cm, đường kính đáy thùng 39cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được; 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 40cm, đường kính miệng thùng 39cm, đường kính đáy thùng 30cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được; 01 (một) ghế nhựa loại có lưng tựa màu xanh, hiệu "Qui Phúc", chiều cao lưng tựa 67 cm, chiều cao mặt ghế 34 cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể mặt ghế, lưng tựa và không còn sử dụng được; 04 (bốn) bàn nhựa hình chữ nhật màu xanh, cao 50cm, kích thước mặt bàn là 62cm x 43cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể và không còn sử dụng được.

3.2 Tịch thu sung vào NG. sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Titel, màu đen, số imei 1: 351980102347802, số imei 2: 351980102347810 (kiểm tra trên thân máy). Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70K1-346.91, nhãn hiệu: Honda, loại xe. Blade, màu sơn: đỏ - đen, số khung RLHJA3620EY113953, số máy: JA36E-0187553. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA., yên xe bị rách; 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70G1-540.61, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Jupiter, màu sơn: xanh đen bạc, số khung: MH3UG0710HK195957, số máy: G3E6E0276089. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA.;

3.3 Hoàn trả cho bị cáo H.: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu vàng. Tình trạng: Đã qua sử dụng, màn hình bị bể biến dạng, thân máy bị cong, không có tín hiệu hoạt động;

3.4 Hoàn trả cho bị cáo N.: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Samsung,

màu xanh, số imei 352884/79/267448/4 (kiểm tra trên thân máy). Tình trạng: Đã qua sử dụng;

3.5 Hoàn trả cho bị hại HTT: 01 (một) quạt đứng màu đen, hiệu Savifan, cao 93cm, không có cánh quạt. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 03 (ba) cái võng bằng nilon, màu đỏ xanh. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị đứt và không còn sử dụng được; 03 (ba) cái võng bằng sợi vải đan, màu xanh - đen - trắng - đỏ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

3.6 Hoàn trả cho bị hại L.: 01 (một) quạt đứng màu xám, hiệu Lifan, cánh quạt bị bể, thân quạt và chân quạt bị gãy. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

3.7 Hoàn trả cho bị hại Đ.: 01 (một) cái võng bằng vải, màu nâu, dài 2,33 mét, rộng 94cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

3.8 Hoàn trả cho bị hại TO.: 01 (một) quạt treo tường hiệu Kendo, màu xanh, bị bể cánh, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) quạt treo tường hiệu Jolie, màu xám, bị bể cánh quạt, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) quạt treo tường hiệu NaFan, màu xám, bị bể cánh quạt, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng; 01 (một) quạt treo tường hiệu KENDO, màu xanh, bị bể cánh, không có chụp ngoài. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

3.9 Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D.: 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70G1-636.76, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Vision, màu sơn: đen, số khung: RLHJF5816GY573221, số máy JF66E-0810164. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu HA.;

*Hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT đang tạm giữ các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/5/2023.*

4. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288, 579, 580 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc các bị cáo L., K., HO., PH., HA. và V. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại NG. số tiền chiếm đoạt là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và số tiền tài sản bị hư hỏng là 385.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 5.385.000 đồng (Năm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Như vậy, bị cáo L., K., HO., PH., HA. và V., mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại NG. số tiền 897.500 đồng (Tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Buộc các bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại L. số tiền chiếm đoạt là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền tài sản bị hư hỏng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là

4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng). Như vậy, bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH., mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại TU. số tiền chiếm đoạt là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH., mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại TRTTTT số tiền chiếm đoạt là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Như vậy, bị cáo L., HA., K., V., C., N. và CH., mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại TRTTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

**Như vậy:**

4.1 Bị cáo L. có nghĩa vụ trả cho bị hại NG. với số tiền 897.500 đồng (Tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 2.269.500 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng). Khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo L. đã nộp để khắc phục một phần HA. quả cho bị hại NG. số tiền 357.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng), bị hại L. số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), bị hại TU. số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và bị hại TRTTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (theo biên lai thu số 0001563 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN). Buộc bị cáo L. có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bị hại NG. số tiền 540.500 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng), trả cho bị hại L. số tiền 336.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 393.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

4.2 Bị cáo K. có nghĩa vụ trả cho bị hại NG. số tiền 897.500 đồng (Tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 2.269.500 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng). Khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo K. đã nộp để khắc phục một phần HA. quả cho bị hại NG. số tiền 357.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng), bị hại L. số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), bị hại TU. số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và bị hại

TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (theo biên lai thu số 0001561 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN). Buộc bị cáo K. có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bị hại NG. số tiền 540.500 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng), trả cho bị hại L. số tiền 336.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 393.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

4.3 Bị cáo HA. có nghĩa vụ trả cho bị hại NG. với số tiền 897.500 đồng (Tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 2.269.500 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng). Khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo HA. đã nộp để khắc phục một phần HA. quả cho bị hại NG. số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), bị hại L. số tiền 357.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng), bị hại TU. số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (theo biên lai thu số 001560 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN). Buộc bị cáo HA. có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bị hại NG. số tiền 397.500 đồng (Ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trả bị hại L. số tiền 229.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín nghìn đồng), trả cho bị hại TU. 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

4.4 Bị cáo V. có nghĩa vụ trả cho bị hại NG. với số tiền 897.500 đồng (Tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 2.269.500 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng). Khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo V. đã nộp để khắc phục một phần HA. quả cho bị hại NG. số tiền 357.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng), bị hại L. số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), bị hại TU. số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (theo biên lai thu số 0001559 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN). Buộc bị cáo V. có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bị hại NG. số tiền 540.500 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng), trả cho bị hại L. số tiền 336.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 393.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

4.5 Bị cáo C. có nghĩa vụ trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám

mười sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 1.372.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo C. đã nộp để trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (theo biên lai thu số 0001557 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN). Ghi nhận bị cáo C. đã nộp xong và được hoàn trả số tiền 128.000 đồng (Một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

4.6 Bị cáo N. có nghĩa vụ trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 1.372.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo N. đã nộp để trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (theo biên lai thu số 0001575 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN). Ghi nhận bị cáo N. đã nộp xong và được hoàn trả số tiền 128.000 đồng (Một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

4.7 Bị cáo CH. có nghĩa vụ trả cho bị hại L. số tiền 586.000 đồng (Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 1.372.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo CH. đã nộp để trả cho bị hại L. số tiền 457.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), trả cho bị hại TRTTT số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (theo biên lai thu số 0002229 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN). Buộc bị cáo CH. có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bị hại L. số tiền 129.000 đồng (Một trăm hai mươi chín nghìn đồng), trả cho bị hại TU. số tiền 243.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

4.8 Bị cáo HO. có nghĩa vụ trả cho bị hại NG. số tiền 897.500 đồng (Tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4.9 Bị cáo PH. có nghĩa vụ trả cho bị hại NG. số tiền 897.500 đồng (Tám trăm

chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4.10 Hoàn trả cho bị cáo H. số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001558 ngày 13/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Đối với bị hại TO., Đ., L. và HTT không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Bị cáo L., V., N., C., K., H., HA., CH., HO. và PH., mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo L., K., HO., PH., HA., V., C., N. và CH., mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh TN.
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TN;
- VKSND tx. Hoà Thành.
- CCTHADS tx. Hoà Thành.
- THA phạt tù.
- Bị cáo.
- Bị hại.

**Nguyễn Thị Bích Vân**

- NCQLNVLQ;
- Lru.